

Phân tích cấu trúc tài chính trong các ngân hàng thương mại

THS. NGUYỄN THỤ HẰNG
Trưởng Đại học Kinh tế quốc dân

Trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động, các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam đã gặp phải không ít khó khăn, đặc biệt là về tình hình tài chính. Trước thực tế này, tác giả xin trình bày những nội dung cơ bản của hệ thống chỉ tiêu phân tích cấu trúc tài chính, nhằm giúp quản trị các NHTM đánh giá tình hình phân bổ, tình hình huy động và sử dụng vốn, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị hoạt động kinh doanh.

Hoạt động chính của các NHTM là kinh doanh tiền tệ, chủ yếu dựa vào nguồn vốn huy động nên chứa đựng nhiều rủi ro. Do đó, hệ thống chỉ tiêu phân tích cấu trúc tài chính trong các NHTM cũng mang tính đặc thù.

Cấu trúc tài chính không chỉ là cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn mà còn biểu hiện mối quan hệ giữa tài sản và nguồn vốn. Mối quan hệ giữa tài sản và nguồn vốn phản ánh các chính sách huy động và

sử dụng vốn của các ngân hàng. Mối quan hệ này ảnh hưởng rất lớn và tác động mạnh mẽ đến tình hình hoạt động tài chính tốt hay xấu của các ngân hàng. Sự kết hợp chặt chẽ của ba mặt trên được gọi là cấu trúc tài chính của ngân hàng.

Cơ cấu tài sản

Cơ cấu tài sản của NHTM là tỷ trọng của từng loại tài sản chiếm trong tổng tài sản. Phân tích cơ cấu tài sản là sự so sánh cơ cấu tài sản giữa các kỳ kinh doanh, kể cả số tuyệt đối và số tương đối. Bởi vậy, để phân tích cơ cấu tài sản trong các NHTM, trước hết cần tính và phân tích chỉ tiêu tổng quát sau đây:

$$\text{Tỷ trọng của từng bộ phận tài sản chiếm trong tổng tài sản (\%)} = \frac{\text{Giá trị của từng bộ phận tài sản}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100$$

Trên cơ sở xem xét sự biến động về tỷ trọng của từng bộ phận tài sản chiếm trong tổng tài sản sẽ giúp quản trị các ngân hàng đánh giá khái quát tình hình phân bổ (sử dụng vốn) đã hợp lý chưa. Bảng 1 trình bày nội dung cơ bản phân tích cơ cấu tài sản tại ngân hàng NHTM cổ phần Xăng dầu Petrolimex (PG Bank) trong giai đoạn 2008 - 2010.

BẢNG 1 - PHÂN TÍCH CƠ CẤU TÀI SẢN CỦA PG BANK

DVT: trđ

Chỉ tiêu	2008		2009		2010		2010/2008		2010/2009	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
1. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	153.953	2,49	141.313	1,34	194.340	1,17	+40.387	-1,32	+53.027	-0,17
2. Tiền gửi tại NHNN	64.396	1,04	383.002	3,62	64.737	0,4	+341	-0,64	-318.265	-3,22
3. Tiền, vàng gửi tại các TCTD và cho vay các TCTD khác	1.931.611	31,24	2.071.493	19,58	1.788.385	10,79	-143.226	-20,45	-283.108	-8,79
4. Chứng khoán kinh doanh	145.567	2,35	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	-	1.721	0,1	-	-	-	-
6. Cho vay khách hàng	2.347.554	37,96	6.219.950	58,80	10.781.226	65,07	+8.433.672	+27,11	+456.176	+6,27
7. Chứng khoán đầu tư	1.014.662	16,41	467.165	0,14	1.941.704	11,72	+927.042	-4,69	+974.539	+2,58
8. Góp vốn, đầu tư dài hạn	77.429	1,25	38.020	0,36	91.016	0,55	+13.587	-0,17	+52.996	+0,19
9. Tài sản cố định	62.404	1,01	91.598	0,87	150.284	0,91	+87.880	-0,1	+58.686	0,04
10. Tài sản cố khác	386.619	6,25	664.754	6,29	1.555.444	9,38	+1.168.825	+3,13	+890.696	+3,09
Tổng cộng TS có	6.184.195	100	10.577.295	100	16.568.860	100	+10.384.665	+68	+5.991.565	+56,65

Từ kết quả tính toán ở bảng 1 cho thấy, mặc dù trong 3 năm gần đây, khủng hoảng kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, kinh tế Việt Nam cũng phải đương đầu với lạm phát, giá cả tăng cao, nhưng quy mô về tổng tài sản của PG Bank vẫn tăng cao. Năm 2010 so với 2008, quy mô tổng tài sản tăng 10.384.665 triệu đồng, với số tương đối tăng 68% và năm 2010 so với 2009, quy mô tổng tài sản tăng 5.991.565 triệu đồng, với số tương đối tăng 56,65%. Điều này thể hiện công tác quản trị của PG Bank đã rất năng động, có những giải pháp thiết thực, linh hoạt, thúc đẩy mọi hoạt động kinh doanh đạt kết quả cao. Trong đó, khoản cho vay khách hàng chiếm tỷ trọng ngày càng lớn. Năm 2008, hoạt động tín dụng chỉ chiếm 37,96% trong tổng tài sản, đến năm 2009 đã nâng lên 58,80%, đặc biệt, năm 2010 đã nâng tỷ trọng này lên 65,07%. Nếu so sánh năm 2010 với 2008 khoản cho vay khách hàng của PG Bank đã tăng lên 8.433.672 triệu đồng, với số tương đối tăng 27,11%. Năm 2010 so với 2009 tăng 4.561.276 triệu đồng, với số tương đối tăng 6,27%. Có thể nói, hoạt động cho vay khách hàng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của NHTM, quản trị PG Bank đã có những giải pháp tích cực để thúc đẩy hoạt động này.

Cơ cấu nguồn vốn

Việc huy động và sử dụng tiết kiệm vốn là hai mặt của một vấn đề, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong các NHTM. Phân tích cơ cấu nguồn vốn trong các NHTM trước hết cần tính chỉ tiêu tổng quát sau đây:

$$\text{Chỉ tiêu} = \frac{\text{Giá trị của từng bộ phận nguồn vốn chiếm trong tổng nguồn vốn (\%)}}{\text{Tổng nguồn vốn}} \times 100$$

Bảng 2 trình bày nội dung phân tích cơ cấu nguồn vốn của ngân hàng PG Bank trong giai đoạn 2008-2010.

Bảng 2 cho thấy, tình hình huy động vốn qua 3 năm của PG Bank tăng khá nhanh. Năm 2008 chỉ chiếm 35,56% trong tổng nguồn vốn, năm 2009 đã chiếm 65,20%, năm 2010 chiếm 64,61%. Nếu so sánh năm 2010 với 2008, tổng số vốn huy động từ tiền gửi của khách hàng tăng 8.505.712 triệu đồng, tăng 29,05%. Năm 2010 so với năm 2009 tăng 3.808.709 triệu đồng, nhưng với số tương đối giảm 0,59%. Về mặt số tuyệt đối tăng, nhưng tỷ phần của khoản vốn này lại giảm là do tốc độ tăng quy mô nguồn vốn nhanh hơn tốc độ tăng nguồn vốn được huy động từ tiền gửi của khách hàng.

Nguồn vốn chủ sở hữu, đặc biệt là nguồn vốn tự bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm của PG Bank tăng mạnh. Năm 2008, tổng vốn chủ sở hữu chiếm 16,59% tổng nguồn vốn, năm 2009 chiếm 11,33%, nhưng đến năm 2010 chiếm tỷ lệ 13,83%. Năm 2010 so với năm 2008, tổng số vốn chủ sở hữu tăng 1.264.743 triệu đồng, năm 2010 so với năm 2009, vốn chủ sở hữu tăng 1.091.966 triệu đồng, với số tương đối tăng 2,5%. Trong đó, năm 2010 PG Bank đã tăng vốn điều lệ từ 1.000.000 triệu đồng (năm 2009) lên 2.000.000 triệu đồng.

Mối liên hệ giữa tài sản và nguồn vốn

Việc phân tích các chỉ tiêu phản ánh mối quan hệ giữa tài sản và nguồn vốn cho phép nhà quản trị đánh giá khách quan các chính sách về huy động và sử dụng vốn trong các NHTM.

Để phân tích mối liên hệ giữa tài sản và nguồn vốn trong các NHTM, trước hết cần tính và phân tích các chỉ tiêu sau đây:

- *Hệ số nợ phải trả so với tổng tài sản.*

BẢNG 2: PHÂN TÍCH CƠ CẤU NGUỒN VỐN CỦA PG BANK

Đơn: triệu

Chỉ tiêu	2008		2009		2010		2010/2008		2010/2009	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
1. Các khoản nợ chính phủ và NHNN			180.540	1,7						
2. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	2.684.518	43,41	1.965.421	18,58	3.228.776	19,79	+544.258	-23,92	+1.263.355	+0,91
3. Tiền gửi của khách hàng	2.199.038	35,56	6.896.041	65,20	10.704.750	64,61	+8.505.712	+29,06	+3.808.709	-0,59
4. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tổ chức khác			332	0,02						
5. Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư cho vay TCTD chu rui ro					61.473	0,37				
6. Phát hành giấy tờ có giá	167.574	2,71	50.000	0,47	-	-	-	-	-	-
7. Các khoản nợ khác	107.134	1,73	284.202	2,7	283.192	1,70	+176.058	0,03	-3.010	-1
Tổng nợ	5.158.264	83,41	9.378.592	88,67	14.278.191	86,17	+9.119.922	2,76	+4.899.599	-2,5
8. Vốn chủ sở hữu	1.025.926	16,59	1.198.703	11,33	2.290.669	13,83	+1.264.743	-2,76	+1.091.966	+2,5
Trong đó: Vốn của TCTD (vốn điều lệ)	1.000.000		1.000.000		2.000.000					
Tổng nguồn vốn	6.184.195	100	10.577.295	100	16.568.860	100	-	-	-	-

Chỉ tiêu này được xác định bằng công thức:

$$\text{Hệ số nợ phải trả so với tổng tài sản} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Chỉ tiêu trên phản ánh, cứ 1 đồng tổng tài sản thì có bao nhiêu đồng nợ phải trả. Chỉ tiêu này càng cao chứng tỏ mức độ phụ thuộc vào các khoản nợ phải trả càng lớn. Song, do tính chất đặc thù hoạt động kinh doanh trong các NHTM nên chỉ tiêu này thường rất lớn so với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

- Hệ số khả năng thanh toán tổng quát.

Chỉ tiêu này được xác định bằng công thức:

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Tổng nợ phải trả}}$$

Chỉ tiêu này bằng 1 thể hiện, tổng tài sản trong ngân hàng được tài trợ hoàn toàn bằng nguồn vốn nợ phải trả. Còn nếu hệ số này lớn hơn 1 và càng lớn hơn 1 bao nhiêu - chứng tỏ vốn chủ sở hữu của ngân hàng càng lớn bấy nhiêu. Tuy nhiên, do đặc điểm hoạt động kinh doanh trong các NHTM chủ yếu dựa vào việc huy động vốn dưới các hình thức vay nợ, vốn chủ sở hữu trong các NHTM theo quy định của Nhà nước tối thiểu bằng 9% tổng nguồn vốn. Bởi vậy, hệ số khả năng tổng quát trong các NHTM thường rất nhỏ.

- Hệ số tổng tài sản so với vốn chủ sở hữu.

Chỉ tiêu này được xác định bằng công thức:

$$\text{Hệ số tổng tài sản so với vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh mức độ trang trải tổng tài sản của ngân hàng bằng vốn chủ sở hữu. Thông thường, chỉ tiêu này trong các ngân hàng là rất cao và như vậy rủi ro là rất lớn.

Việc phân tích mối liên hệ giữa tài sản và nguồn vốn của PG Bank có thể lập theo bảng 3:

Từ kết quả tính toán ở Bảng 3 cho thấy, hệ số nợ phải trả năm 2008 của PG Bank là 0,834 nhưng năm 2009 là 0,887, năm 2010 là 0,862, năm 2010 so với năm 2008 hệ số nợ phải trả tăng 0,028, với số tương đối tăng 3,36%, nhưng năm 2010 so với năm 2009 hệ số này giảm 0,025 với số tương đối giảm 2,82%. Điều này cho thấy, năm 2010 tốc độ tăng trưởng về tổng nguồn vốn nhanh hơn tốc độ tăng về nguồn vốn huy động. Bởi vậy, quản trị ngân hàng cần có những giải pháp nhằm huy động tối đa nguồn vốn nợ phải trả để tăng vốn cho hoạt động tín dụng.

Hệ số khả năng thanh toán tổng quát trong 3 năm đều lớn hơn 1. Điều đó chứng tỏ rằng PG Bank đều có khả năng trang trải hết công nợ, và tình hình tài chính của PG Bank là rất khả quan.

Hệ số tổng tài sản so với vốn chủ sở hữu năm 2008 chỉ có 6,03 lần, năm 2009 tăng lên 8,82 lần, năm 2010 là 7,23 lần. Năm 2010 so với 2009 giảm xuống là do vốn điều lệ của PG Bank đã tăng lên từ 1.000.000 triệu đồng (năm 2009) lên 2.000.000 triệu đồng (năm 2010). Điều này cũng phản ánh đặc thù của ngành ngân hàng là hoạt động kinh doanh chủ yếu dựa vào vốn vay.

Qua phân tích thực trạng cấu trúc tài chính tại PG Bank, chúng tôi kiến nghị hệ thống chỉ tiêu phân tích cấu trúc tài chính trong các NHTM tập trung vào một số chỉ tiêu sau đây:

1. Khoản cho vay của khách hàng/Tổng tài sản;
2. Khoản đầu tư vào chứng khoán, góp vốn, đầu tư dài hạn/Tổng tài sản;
3. Tiền gửi của khách hàng/Tổng nguồn vốn;
4. Vốn chủ sở hữu/Nguồn vốn;
5. Hệ số nợ phải trả so với tổng tài sản;
6. Hệ số khả năng thanh toán tổng quát.

Ngoài ra, chúng tôi xin kiến nghị phân tích bổ sung thêm một chỉ tiêu: Hệ số vốn cho khách hàng vay so với tổng số vốn huy động. Chỉ tiêu này càng cao thể hiện vốn huy động của ngân hàng cho hoạt động tín dụng ngày càng lớn. ■

BẢNG 3: PHÂN TÍCH MỐI LIÊN HỆ GIỮA TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN CỦA PG BANK

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2010/2008		2010/2009	
				±	%	±	%
1. Hệ số nợ phải trả so với tổng tài sản	0,834	0,887	0,862	+0,028	+3,36	-0,025	-2,82
2. Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	1,199	1,128	1,160	-0,039	-3,25	+0,032	+2,83
3. Hệ số tổng tài sản so với nguồn vốn chủ sở hữu	6,03	8,82	7,23	+1,2	+19,9	-1,59	-18,2

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS. TS Nguyễn Văn Công - Chủ biên (2009). *Giáo trình phân tích kinh doanh*. NXB Đại học KTQD.
2. PGS. TS Nguyễn Ngọc Quang - Chủ biên (2011). *Giáo trình kế toán quản trị*. NXB Đại học KTQD
3. PGS. TS Nguyễn Năng Phúc - Chủ biên (2011). *Giáo trình phân tích báo cáo tài chính*. NXB Đại học KTQD.
4. PGS. TS Nguyễn Năng Phúc - Chủ biên (2010). *Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh*. NXB Thời đại.
5. M. Saunders, P.Lewis, A.Thomhille (2010). *Phương pháp nghiên cứu kinh doanh*. NXB Tài chính.
6. *Hệ thống Báo cáo tài chính của PG Bank năm 2008, 2009, 2010.*